TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH** **TỈNH TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **102**/2020/HS-ST
Ngày: 06/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNHTH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Hảo

2. Ông Nguyễn Ngọc Đức

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Nam Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 103/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Văn N, tên gọi khác: Không, sinh năm 1995 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ X, phường T, thành phố TH, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1968 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là Tô Thị Q, sinh năm 1996; Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (trước đó không bị tạm giữ, tạm giam). *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).*

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1990 - trú tại: Tổ Z (nay là tổ Y), phường TL, thành phố TH, tỉnh TH (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Anh T, sinh năm 1991 – trú tại tổ dân phố 5 T, phường L, thành phố S, tỉnh TH (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 – trú tại tổ X, phường T, thành phố TH (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 27/10/2019, Đỗ Văn N đi xe TAXI đến nhà chị Nguyễn Thị A (sinh năm 1990 - trú tại: Tổ Y, phường TL, thành phố TH, tỉnh TH) chơi. Khi đến nơi, N đứng nói chuyện với chị A ở ngoài cổng rồi xin cho ngủ qua đêm tại nhà chị A, nhưng chị A không đồng ý. Chị A hẹn sáng ngày hôm sau sẽ gặp và bảo N về, nếu không có tiền đi xe TAXI thì lấy tiền trong túi áo của A. Nhưng N không về và cũng không lấy tiền mà đứng ở ngoài cổng đợi. Chị Nguyễn Thị A sau đó khóa cổng, chốt cửa đi ngủ tại phòng ngủ của mình. Đến khoảng 00 giờ ngày 28/10/2019, N trèo qua cổng nhà chị A mở được chốt cửa nhà, N vào nằm ngủ tại chiếc giường để đồ trong phòng của chị A khoảng 20 phút thì N dậy và kiểm tra tin nhắn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu xanh của chị A đang cắm sạc để trên giường ngủ. Lúc này chị A vẫn ngủ say, N rút sạc rồi cầm chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần với mục đích để liên hệ nói chuyện với bạn trai mới của chị A. Sau đó N lấy số tiền 235.000đ ở trong chiếc áo của chị A. Khi ra đến ngoài phòng khách, N lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime màu vàng (chiếc điện thoại này là của N cho chị A mượn, quản lý và sử dụng từ năm 2017) đang để trên bàn uống nước bỏ vào trong túi quần rồi đi khỏi nhà chị A. Số tiền lấy được N trả tiền đi xe TAXI về nhà. Khi biết mình mất tài sản, sáng ngày 28/10/2019 chị Nguyễn Thị A đã làm đơn trình báo cơ quan Công an. Khoảng 11 giờ cùng ngày, N nhờ mẹ là bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1971 – trú tại tổ X, phường T, thành phố TH) mang chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu xanh đến trả cho chị A, nhưng chị A không đồng ý nhận lại. Do hết tiền tiêu sài, đến khoảng 17 giờ cùng ngày N mang điện thoại trên cầm cố tại cửa hàng điện thoại Quang Minh cho anh Lê Anh T (sinh năm 1991 – trú tại tổ dân phố 5 T, phường L, thành phố S, tỉnh TH) được số tiền 1.500.000đ. Số tiền này N tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 325/HĐĐGTS ngày 02/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu xanh, Imel 1: 861976040283193/01, Imel 2: 861976040283201/01, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường có giá trị 2.400.000đ (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 326/HĐĐGTS ngày 03/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime, màu vàng, Imel 1: 356431084055042, Imel 2: 356432084055040, màn hình bị vỡ kính, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường có giá trị 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng).*

Vật chứng của vụ án:

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu xanh, Imel 1: 861976040283193/01, Imel 2: 861976040283201/01, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường đã được thu hồi trả lại cho chị A quản lý và sử dụng.

+ Số tiền 235.000đ Đỗ Văn N đã trả lại cho chị Nguyễn Thị A.

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime, màu vàng, bên trong có hai sim điện thoại, số Imel 1: 356431084055042, Imel 2: 356432084055040, đã qua sử dụng. Hiện được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 107/CT -VKSTPTN ngày 09 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH đã truy tố Đỗ Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ N quan điểm truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N từ 06 đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Anh T không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng của vụ án:

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu xanh, Imel 1: 861976040283193/01, Imel 2: 861976040283201/01, đã qua sử dụng và số tiền 235.000đ đã trả lại cho chị A quản lý và sử dụng.

+ Tạm giữ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime, màu vàng, bên trong có hai sim điện thoại, số Imel 1: 356431084055042, Imel 2: 356432084055040, đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng ăn năn hối hận vì hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Khoảng 00 giờ ngày 28/10/2019 tại nhà chị Nguyễn Thị A ở tổ Z (nay là tổ Y), phường TL, thành phố TH. Đỗ Văn N có hành vi trộm cắp 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu xanh, Imel 1: 861976040283193/01, Imel 2: 861976040283201/01, đã qua sử dụng trị giá 2.400.000đ và 235.000đ của chị A. Sau đó N đem cầm cố chiếc điện thoại trên cho anh Lê Anh T được số tiền 1.500.000đ. Số tiền này N tiêu sài cá nhân hết. Tổng giá trị tài sản N trộm cắp được là 2.635.000đ *(Hai triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).*

Chị Nguyễn Thị A đã nhận lại toàn bộ tài sản và không yêu cầu đề nghị gì khác. Số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) Đỗ Văn N đã bồi thường cho anh T, anh T không có yêu cầu, đề nghị gì.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...".

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đỗ Văn N chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là tự nguyện khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng,quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tại phiên tòa bị hại là chị Nguyễn Thị A xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có

nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước ta, động viên bị cáo tích cực cải tạo tu dưỡng tốt trở thành công dân có ích với gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người lao động nhưng thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng. Do đó xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi 8, màu xanh, đã qua sử dụng, còn hoạt động bình thường và 235.000đ đã được trả lại cho chị A quản lý và sử dụng. Chị A không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Anh T đã nhận lại số tiền 1.500.000đ và cũng không có đề nghị gì khác, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đã thu hồi trả cho bị hại quản lý, sử dụng.

+ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime, màu vàng, bên trong có hai sim điện thoại, số Imel 1: 356431084055042, Imel 2: 356432084055040, đã qua sử dụng của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Trong vụ án này ĐỗVăn N còn lấy 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime, màu vàng, Imel 1: 356431084055042, Imel 2: 356432084055040, đã qua sử dụng tại nhà chị A. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại trên là của N cho chị Nguyễn Thị A mượn để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH không xem xét xử lý.

Đối với anh Lê Anh T là người đã cầm cố tài sản là điện thoại di động do Đỗ Văn N mang đến. Quá trình điều tra xác định anh T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố TH không xử lý.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn N phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn N 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố TH giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ 01(Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J2 Prime, màu vàng, bên trong có hai sim điện thoại, số Imel 1: 356431084055042, Imel 2: 356432084055040, đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 182 ngày 05/3/2020 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

3.Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thanh Trúc

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc